UBND XÃ TIÊN ĐIỀN

Số: 7430/BC-UBND; 03/11/2026; 13:24:59

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐƯA VÀO DỰ TOÁN NĂM 2027 (CHƯA BAO GỒM QUỸ LƯƠNG)

STT	NỘI DUNG	**Tổng hợp dự toán chi**	Phụ cấp GV thể dục	Phụ cấp dạy lớp ghép	Phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật	Nghị định 105/2020/ NĐ-CP	Nghị định 277/2025/ NĐ-CP	Nghị định 339/2025/ NĐ-CP	Nghị định 238/2025/NĐ-CP						Hỗ trợ học sinh khuyết tật theo TTLT số 42	Hỗ trợ học bổng theo NĐ 57/2017/ NĐ-CP	Kinh phí vận hành trường phổ thông nội trú theo Nghị định 188/2026/NĐ -CP	Phụ cấp kiêm nhiệm Trung tâm HTCĐ	Ghi chú
									Cộng NĐ 238	Cấp bù, hỗ trợ học phí			Hỗ trợ CPHT	Hỗ trợ học phí cho HSSV					
										Cộng	*Công cập*	*Ngoài công lập*							
1	Trường MN Tiên Điền	2.679,21	-	-	-		826,20	-			1.454,76	364,50	33,75		-	-	-		
2	Trường Tiểu học Tiên Điền	2.254,35	100,95	-	400,00	-	-	-			1.651,50		47,25		54,65	-	-		
3	Trường THCS Nguyễn Trãi	3.266,75	90,32	-	600,00	-	-	-			2.451,60		33,75		91,08	-	-		
4	UBND xã	30,36													-	-	-	30,36	
	TỔNG CỘNG	**8.200,31**	**191,27**	**-**	**1.000,00**	**-**	**826,20**	**-**	**-**	**-**	**5.557,86**	**364,50**	**114,75**	**-**	**145,73**	**-**	**-**	**30,36**	**-**

UBND XÃ TIÊN ĐIỀN

Biểu 12-GD

BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ PHỤ CẤP THỂ DỤC THỂ THAO THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 51/2012/QĐ-TTg NGÀY 16/11/2012 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ ĐƯA VÀO DỰ TOÁN 2027

ĐVT: Triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	Số lớp theo kế hoạch	Trong đó		Tổng số tiết thể dục/năm học	Trong đó		Mức bồi dưỡng/tiết t.hành	Nhu cầu kinh phí	Tổng số giáo viên thể dục	*Trong đó*	
			Lớp 1	Lớp khác		Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành				Chuyên trách	Kiêm nhiệm
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8=6*7	9	10	11
	TỔNG CỘNG	**108**	**11**	**97**	**7.560**	**-**	**7.560**		**191,27**	**42**	**9**	**33**
I	**Khối Tiểu học**	**57**	**11**	**46**	**3.990**	**-**	**3.990**	**0,0253**	**100,95**	**35**	**2**	**33**
	Trường Tiểu học Tiên Điền	57	11	46	3.990		3.990	0,0253	100,95	35	2	33
II	**Khối THCS**	**51**	**-**	**51**	**3.570**	**-**	**3.570**	**0,0253**	**90,32**	**7**	**7**	**0**
	Trường THCS Nguyễn Trãi	51	-	51	3.570	-	3.570	0,0253	90,32	7	7	0

UBND XÃ TIÊN ĐIỀN

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ PHỤ CẤP DẠY LỚP GHÉP, TĂNG CƯỜNG TIẾNG VIỆT ĐƯA VÀO DỰ TOÁN 2027

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng số giáo viên được hưởng chính sách dạy lớp ghép, dạy tăng cường tiếng Việt	*Trong đó*		Mức hưởng	Số tháng hưởng	Tổng nhu cầu kinh phí	Ghi chú
			Giáo viên dạy lớp ghép	Giáo viên dạy tăng cường tiếng Việt				
1	Trường Mầm non A							
	(gửi kèm theo mẫu số 04 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)							
2	Trường Mầm non B							
	(gửi kèm theo mẫu số 04 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)							

UBND XÃ TIÊN ĐIỀN

PB 14

NHU CẦU KINH PHÍ PHỤ CẤP ƯU ĐÃI CỦA GIÁO VIÊN DẠY HỌC SINH KHUYẾT TẬT (DỰ TOÁN NĂM 2027)

(Quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Thực hiện năm 2026															Nhu cầu kinh phí dự kiến năm 2027	Ghi chú
		Kỳ II năm học 2025-2026							Kỳ I năm học 2026-2027							Kinh phí thực hiện năm 2025		
		Số lớp	Số học sinh	Số lớp có HS khuyết tật	Số học sinh khuyết tật	Số tiết (thực dạy) ở lớp có hs khuyết tật	Tiền lương 01 giờ dạy của giáo viên (ở lớp có học sinh khuyết tật)	Kinh phí	Số lớp	Số học sinh	Số lớp có HS khuyết tật	Số học sinh khuyết tật	Số tiết (thực dạy) ở lớp có hs khuyết tật	Tiền lương 01 giờ dạy của giáo viên (ở lớp có học sinh khuyết tật)	Kinh phí			
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=5*6*20%*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14=12*13*20%*	*15=7+14*	*16*	*17*
	TỔNG CỘNG	**147**	**4.967**	**30**	**30**	**14.250**	**0**	**356,77**	**145**	**4.981**	**27**	**28**	**12.997**		**364,79**	**721,57**	**1.000,00**	**0**
I	**Khối Mầm non**																	
1	Trường MN Tiên Điền	37	877,0	1	1	360	0,086	6,19	37	877	1,00	1	340	0,09	5,76	11,95	-	
II	**Tiểu học**																	
1	Trường Tiểu học Tiên Điền	58	1.878	11	11	4.404	0,105	92,19	57	1.835	11,0	12,0	5.168	0,13	134,37	226,56	400,00	
III	**THCS**																	
1	Trường THCS Nguyễn Trãi	52	2.212	18	18	9.486	0,14	258,39	51	2.269	15,00	15	7.489	0,15	224,67	483,06	600,00	

UBND XÃ TIÊN ĐIỀN

SỐ LỚP CÓ HỌC SINH KHUYẾT TẬT

STT	Đơn vị	Thực hiện năm 2026																			Ghi chú
		Kỳ II năm học 2025-2026									Kỳ I năm học 2026-2027										
		Số học sinh khuyết tật	thuộc lớp	Quỹ lương giáo viên dạy học sinh khuyết tật (trđ/tháng)	Trong đó			Tiền lương/tiết	Số tiết theo định mức	Số tiết thực dạy ở lớp có hs khuyết tật	Số học sinh khuyết tật	thuộc lớp	Quỹ lương giáo viên dạy học sinh khuyết tật (trđ/tháng)	Trong đó			Tiền lương/tiết	Số tiết theo định mức	Số tiết (thực dạy) ở lớp có hs khuyết tật	
					Hệ số lương ngạch bậc	Chức vụ	Vượt khung							Hệ số lương ngạch bậc	Chức vụ	Vượt khung				
A	*B*	*1*	*2*	*3=(4+5+6)* 2,53*	*4*	*5*	*6*	*7*			*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*11*		*12*	*17*
	TỔNG CỘNG																			
I	**Khối Mầm non**																			
1	Trường MN Tiên Điền	1	5T	14,672	6,070	0,200	-	0,085	80,0	80,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
II	**Tiểu học**																			
1	Trường Tiểu học Tiên Điền	11	1A2, 2A2,3A2,4C2, 5A, 4A, 2A, 1B1,2B1,4C1	346,090	145,850	1,500	0,550	0,105	4.404,0	4.404,0	12	1A1, 5C1, 3B1, 1B1,2B1,5C2,3A2,4A2,2A2,5A,3A	362,584	141,680	1,350	0,284	0,130	5.168	5.168	
III	**THCS**																			
1	Trường THCS Nguyễn Trãi	18	9E; 6D. PH1: 6C; 6D; 7B; 7C; 7D; 8B; 8C; 8D; 8E; 9D. PH2: 7A; 7B; 8B; 8C; 9B; 9C	922,150	389,790	4,000	0,290	0,140	9.486,0	9.486,0	15	7A4; 7B3; 7B4;8B2; 8N3;8B4;9B2;9B3; 9B4;9B58C1;8C2;9C2; 9C3;6C2	841,630	329,320	3,000	0,340	0,150	7.489	7.489	

UBND XÃ TIÊN ĐIỀN

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 105/2020/NĐ-CP NĂM 2026 VÀ DỰ TOÁN 2027

TT	Địa phương	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2026							DỰ TOÁN NĂM 2027						
		Hỗ trợ nấu ăn		Hỗ trợ giáo viên lớp ghép				Tổng kinh phí thực hiện chính sách	Hỗ trợ nấu ăn		Hỗ trợ giáo viên lớp ghép				Tổng kinh phí thực hiện chính sách
		Số định suất nấu ăn	Kinh phí	Số giáo viên	Mức hỗ trợ	Thời gian hưởng	Kinh phí		Số định suất nấu ăn	Kinh phí	Số giáo viên	Mức hỗ trợ	Thời gian hưởng	Kinh phí	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=2+6	7	8	9	10	11	10	
	Tổng cộng														
1	Tiên Điền														

UBND XÃ TIÊN ĐIỀN

Phụ lục số 1k

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 277/2025/NĐ-CP NĂM 2026 VÀ DỰ TOÁN 2027

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị thực hiện	NĂM 2026																NĂM 2027									
		Kết quả thực hiện Kỳ II năm học 2025-2026							Kết quả thực hiện Kỳ I năm học 2026-2027							Hỗ trợ tuyển dụng một lần		Tổng kinh phí thực hiện chính sách năm 2026	Ước thực hiện Kỳ II năm học 2026-2027 và Kỳ I năm học 2027-2028							Hỗ trợ tuyển dụng một lần		Dự toán kinh phí thực hiện chính sách năm 2027
		Đối tượng			Kinh phí	Gồm			Đối tượng			Kinh phí	Gồm						Đối tượng			Kinh phí	Gồm					
		Đối tượng tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non theo điểm a khoản 4 Điều 5	Đối tượng theo điểm a khoản 2 Điều 6 (được hỗ trợ chi phí học tập)	Trong đó: Đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 6 (được hỗ trợ ăn trưa)		Hỗ trợ phổ cập giáo dục	Hỗ trợ chi phí học tập	Hỗ trợ ăn trưa	Đối tượng tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non theo điểm a khoản 4 Điều 5	Đối tượng theo điểm a khoản 2 Điều 6 (được hỗ trợ chi phí học tập)	Trong đó: Đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 6 (được hỗ trợ ăn trưa)		Hỗ trợ phổ cập giáo dục	Hỗ trợ chi phí học tập	Hỗ trợ ăn trưa	Đối tượng theo điểm a khoản 3 Điều 5	Kinh phí		Đối tượng tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non theo điểm a khoản 4 Điều 5	Đối tượng theo điểm a khoản 2 Điều 6 (được hỗ trợ chi phí học tập)	Trong đó: Đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 6 (được hỗ trợ ăn trưa)	Kinh phí	Hỗ trợ phổ cập giáo dục	Hỗ trợ chi phí học tập	Hỗ trợ ăn trưa	Đối tượng theo điểm a khoản 3 Điều 5	Kinh phí	
A	B	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8	9	10	11=12+13+14	12	13	14	15	16	17=4+11+16	18	19	20	21=22+23+24	22	23	24	25	26	27=21+26
	Tổng cộng	**86**	**19**	**20**	**463**	**413**	**36**	**14**	**86**	**20**	**20**	**371**	**330**	**29**	**12**	**0**	**0**	**834**	**85**	**20**	**20**	**826**	**734**	**65**	**27**	**0**	**0**	
1	Trường MN Tiên Điền	86	19	20	463	413	36	14	86	20	20	371	330	29	12	0	0	834	85	20	20	826	734	65	27	0	0	826

UBND XÃ TIÊN ĐIỀN

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ BỮA ĂN TRƯA CHO HỌC SINH TIỂU HỌC VÀ THCS HỌC Ở CÁC XÃ BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 339/2025/NĐ-CP NĂM 2026

STT	Đơn vị thực hiện	NĂM 2026																								DỰ TOÁN NĂM 2027										
		Kết quả thực hiện Kỳ II năm học 2025-2026												Kết quả thực hiện Kỳ I năm học 2026-2027												Tổng kinh phí thực hiện chính sách năm 2026	Kết quả thực hiện Kỳ II năm học 2026-2027, Kỳ I năm học 2027-2028										
		Đối tượng				Tổng kinh phí	Gồm							Đối tượng			Tổng kinh phí	Gồm								Đối tượng				Tổng kinh phí năm 2027	Gồm						
		Tổng số	Trong đó				Kinh phí hỗ trợ tiền ăn	Trong đó			Kinh phí nấu ăn	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Kinh phí hỗ trợ tiền ăn	Trong đó		Kinh phí nấu ăn	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Kinh phí hỗ trợ tiền ăn	Trong đó		Kinh phí nấu ăn	Trong đó		
			Học sinh Tiểu học	Trong đó	Học sinh THCS			Học sinh Tiểu học	Học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1	Học sinh THCS		Học sinh Tiểu học	Học sinh THCS		Học sinh Tiểu học	Trong đó	Học sinh THCS		Học sinh Tiểu học	Học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1	Học sinh THCS		Học sinh Tiểu học	Học sinh THCS			Học sinh Tiểu học	Trong đó	Học sinh THCS			Học sinh Tiểu học	Học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1	Học sinh THCS		Học sinh Tiểu học	Học sinh THCS
				Học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1												Học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1														Học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1									
A	B	1=2+4	2	3	4	5=6+10	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12	11	12	14=15+17	15	16	17	18=19+23	19=20+21+22	20	21	22	23=24+25	24	25	27=5+18	30=31+33	31	32	33	34=35+39	35=36+37+38	36	37	38	39=40+41	40	41
TỔNG CỘNG																																				

(*) 2,369 triệu đồng/01 tháng/45 trẻ em, dư trên 20 trẻ em được thêm 01 lần, không quá 9 tháng/năm

UBND XÃ TIÊN ĐIỀN

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CẤP BÙ, HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 238/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Số đối tượng miễn học phí	Số tháng miễn học phí	Mức thu học phí theo quy định	Nhu cầu kinh phí thực hiện cấp bù, hỗ trợ học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP'	Ghi chú
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4=1*2*3*	*5*
	TỔNG CỘNG	**5.003**			**5.922,36**	
A	**Trường công lập**	**5.003**			**5.557,86**	
I	**Khối Mầm non**					
1	Trường MN Tiên Điền	898	9	0,18	1.454,76	
II	**Tiểu học**					
1	Trường Tiểu học Tiên Điền	1.835	9	0,10	1.651,50	
III	**THCS**					
1	Trường THCS Nguyễn Trãi	2.270	9	0,12	2.451,60	
B	**Trường ngoài công lập**				**364,50**	
I	**Mầm non**				-	
1	Trường Mầm non Ánh Dương	65	9	0,18	105,30	
2	Trường Mầm non Ong Vàng	40	9	0,18	64,80	
3	Trường Mầm non ABC	120	9	0,18	194,40	

UBND XÃ TIÊN ĐIỀN

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 238/2025/NĐ-CP NĂM 2026 VÀ DỰ TOÁN 2027

STT	Chỉ tiêu	NĂM 2026						DỰ TOÁN NĂM 2027		
		Tổng kinh phí thực hiện chính sách	Kết quả thực hiện Kỳ II năm học 2025-2026 (5 tháng: tháng 1/2026- tháng 5/2026) (Số liệu đã thực hiện)			Kết quả thực hiện Kỳ I năm học 2026-2027 (4 tháng: tháng 9/2026- tháng 12/2026) (Số liệu ước thực hiện)			Ước thực hiện Kỳ II năm học 2026-2027 và Kỳ I năm học 2027-2028		
			Số đối tượng	Mức hỗ trợ	Kinh phí	Số đối tượng	Mức hỗ trợ	Kinh phí	Số đối tượng	Mức hỗ trợ	Kinh phí
	TỔNG CỘNG	**85,05**	**63**	**0,45**	**47,250**	**63**	**0,45**	**37,80**	**85**	**0,45**	**114,75**
I	**Khối Mầm non**										
1	Trường MN Tiên Điền	26,25	19	0,15	14,250	20	0,15	12,00	25	0,15	33,75
II	**Tiểu học**	-									
1	Trường Tiểu học Tiên Điền	25,95	17	0,15	12,750	22	0,15	13,20	35	0,15	47,25
III	**THCS**	-									
1	Trường THCS Nguyễn Trãi	32,85	27	0,15	20,250	21	0,15	12,60	25	0,15	33,75

UBND XÃ TIÊN ĐIỀN **Biểu số 09-GD**

HỖ TRỢ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ CHO HỌC SINH, SINH VIÊN HỌC TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ ĐẠI HỌC NGOÀI CÔNG LẬP VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC/NGHỀ NGHIỆP THUỘC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP ĐƯA VÀO DỰ TOÁN 2027

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng		Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học ngoài ocong tập và cơ sở giáo dục đại học/nghề nghiệp thuộc doanh nghiệp nhà nước năm 2026																Tổng		Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học ngoài ocong tập và cơ sở giáo dục đại học/nghề nghiệp thuộc doanh nghiệp nhà nước năm 2027															
				Học kỳ II năm học 20245-2025 (từ tháng 1 đến tháng 5/2025)								Học kỳ I năm học 2025-2026 (từ tháng 9 đến tháng 12/2025)										Học kỳ II năm học 2025-2026 (từ tháng 1 đến tháng 5/2026)								Học kỳ I năm học 2026-2027 (từ tháng 9 đến tháng 12/2026)							
		Số đối tượng	Kinh phí	Trung cấp nghề		Trung cấp chuyên nghiệp		Cao đẳng, Cao đẳng nghề		Đại học		Trung cấp nghề		Trung cấp chuyên nghiệp		Cao đẳng, Cao đẳng nghề		Đại học		Số đối tượng	Kinh phí	Trung cấp nghề		Trung cấp chuyên nghiệp		Cao đẳng, Cao đẳng nghề		Đại học		Trung cấp nghề		Trung cấp chuyên nghiệp		Cao đẳng, Cao đẳng nghề		Đại học	
				Số đối tượng	Mức học phí bq/tháng	Số đối tượng	Mức học phí bq/tháng	Số đối tượng	Mức học phí bq/tháng	Số đối tượng	Mức học phí bq/tháng	Số đối tượng	Mức học phí bq/tháng	Số đối tượng	Mức học phí bq/tháng	Số đối tượng	Mức học phí bq/tháng	Số đối tượng	Mức học phí bq/tháng			Số đối tượng	Mức học phí bq/tháng	Số đối tượng	Mức học phí bq/tháng	Số đối tượng	Mức học phí bq/tháng	Số đối tượng	Mức học phí bq/tháng	Số đối tượng	Mức học phí bq/tháng	Số đối tượng	Mức học phí bq/tháng	Số đối tượng	Mức học phí bq/tháng	Số đối tượng	Mức học phí bq/tháng
	Tổng số	**10**	**150,3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**1,4**	**0**	**0**	**9**	**1,7**	**0**	**0**	**10**	**174,6**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**1,4**	**0**	**0**	**9**	**2**	**0**	**0**
I	**Đối tượng miễn học phí**																																				
1	Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công																																				
2	Học sinh, sinh viên người dân tộ thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn																																				
3	Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế																																				
4	Học sinh, sinh viên hệ cử tuyển																																				
5	Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo																																				
II	**Đối tượng giảm học phí**	**10**	**150,3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**1,4**	**0**	**0**	**9**	**1,7**	**0**	**0**	**10**	**174,6**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**1,4**	**0**	**0**	**9**	**2**	**0**	**0**
1	Đối tượng giảm 50% học phí																																				
2	Đối tượng giảm 70% học phí	10	150,3									1	1,4			9	1,7			10	174,6									1	1,4			9	2		

UBND XÃ TIÊN ĐIỀN

Biểu 10-GD

NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT THEO THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 42/2013/TTLT-BGDĐT-BTC (DT 2026)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Học kỳ II năm học 2025-2026							Học kỳ I năm học 2026-20267							Dự toán kinh phí năm 2027				Ghi chú
		Tổng số học sinh	Hỗ trợ học bổng			Hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập			Tổng số học sinh	Hỗ trợ học bổng			Hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập			Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ học bổng	Kinh phí hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập (*)	Kinh phí đưa vào dự toán 2027	
			Đối tượng	Số tháng hỗ trợ	Kinh phí	Đối tượng	Số tháng hỗ trợ	Kinh phí		Đối tượng	Số tháng hỗ trợ	Kinh phí	Đối tượng	Số tháng hỗ trợ	Kinh phí					
A	B	1	2	3	4=2*3*MLCS *80%	5	6	7	8	9	10	11=9*10*MLCS *80%	12	13	14	15	16=15*9(tháng/năm học)*MLCS*80%	17=15*1trđ/người/năm học	18=16+17	19
I	**Tổng số đối tượng khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục**																			
II	**Đối tượng khuyết tật thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo TTLT số 42/2013/TTLT**	**4.092**	**7**	**11**	**67,39**	**0**	**0**	**0**	**4.205**	**6**		**48,58**	**0**	**0**	**0**	**8**	**145,73**	**-**	**145,73**	
	Bao gồm																			
I	**Khối Mầm non**																			
1	Trường MN Tiên Điền		-	-	-	0	0	0	-	-		-	0	0	0	0	-	-	-	
II	**Tiểu học**																			
1	Trường Tiểu học Tiên Điền	1.878	1	6	11,23				1.935	1	4	8,10				3	54,65		54,65	
III	**THCS**																			
1	Trường THCS Nguyễn Trãi	2.214	6	5	56,16	0	0	0	2.270	5	4	40,48	0	0	0	5	91,08	-	91,08	

UBND XÃ TIÊN ĐIỀN

NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ PHỤ CẤP KIÊM NHIỆM
TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG TẠI CÁC XÃ, PHƯỜNG NĂM 2027

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Số lượng Trung tâm HTCĐ	Số người kiêm nhiệm/01 Trung tâm		Mức phụ cấp kiêm nhiệm		Tổng cộng phụ cấp/tháng	Nhu cầu kinh phí năm 2027
			Kiêm Giám đốc	Kiêm PGĐ	Giám đốc	Phó Giám đốc		
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=((2)*(4)+(3)*(5))*(1)*MLCS*	*7=(6)*12 tháng*
	Tổng cộng							
1	Tiên Điền	1	1	2	0,4	0,3	2,53	30,36